

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Liệt

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Giáng N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967.

Hộ khẩu thường trú: đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Trại giam X – C10 – Bộ Công an; địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Võ Thị Giáng N trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015. Từ năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên vắng nhà, không hỗ trợ bà lo cho các con. Bà và ông T đã không còn chung sống với nhau từ khi ông T bị bắt (11.01.2018) đến nay. Hiện tại ông T đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, tỉnh Bà Rịa-

Vững Tàu, thời hạn chấp hành án là 17 (Mười bảy) năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bà xác định, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H, sinh ngày 02/12/2011 và Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 06/8/2016. Hiện tại, các cháu đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 11 tháng 4 năm 2019 và quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông xác nhận là điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng ông như bà N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, chưa bao giờ xảy ra cãi vã và mâu thuẫn. Ông và bà N đã không chung sống với nhau từ ngày ông bị bắt (11.01.2018) đến nay. Nay ông vẫn còn thương yêu bà N. Nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 người con chung như bà N trình bày là đúng. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về việc này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Võ Thị Giáng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn luật định. Việc chấp hành Pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Giáng N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Ngọc T có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Giáng N và Ông Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, cả bà N và ông T đều xác định không còn chung sống với nhau từ ngày ông T bị bắt (11.01.2018) đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông T trình bày khác nhau. Theo bà N trình bày, bắt đầu từ năm 2016 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên vắng nhà, không hỗ trợ bà lo cho các con. Ông T trình bày cuộc sống vợ chồng ông bà hạnh phúc, chưa khi nào xảy ra cãi vã hay mâu thuẫn.

Theo kết quả xác minh: chính quyền địa phương cho biết trước thời điểm ông T bị bắt (ngày 11.01.2018), vợ chồng bà N, ông T đã sinh sống tại địa chỉ 74/10 đường T, Phường A, thành phố V, sau khi ông T bị bắt thì bà N cùng hai con chung của bà N và ông T chuyển đi nơi khác sinh sống. Về mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông T thì chính quyền địa phương không nắm được vì không nghe báo cáo gì.

Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng bà N cương quyết xin ly hôn với ông T, điều đó thể hiện khả năng hàn gắn tính cảm vợ chồng là rất khó khăn. Hơn nữa, ông T đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời hạn là 17 (Mười bảy) năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên thực tế bà N và ông T đã không còn chung sống với nhau từ ngày ông T bị bắt (11.01.2018). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Vì vậy, có thể xác định được hôn nhân của bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H, sinh ngày 02/12/2011 và Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 06/8/2016. Xét thấy, từ khi ông T bị bắt đến nay các cháu ở với bà N. Khi bố mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng được ở với bà N, cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi. Hơn nữa, ông T đang đi chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu cần giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Giáng N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Giáng N.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Giáng N ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim H, sinh ngày 02/12/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 06/8/2016 cho Bà Võ Thị Giáng N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Giáng N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009317 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà N đã nộp xong án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. V;
- Chi cục THADS tp. V;
- UBND P.N, tp. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh

